

Số: 19/2021/QĐST-HNGĐ

N, ngày 17 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
C NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 295/2020/TLST/HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bị đơn: **Phạm Văn C**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Căn cứ vào các điều 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 02 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 02 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. C nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn C.

2. C nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Có 01 con chung là cháu Phạm Văn L, sinh ngày 18/12/2014. Sau khi ly hôn anh C được trực tiếp nuôi dưỡng và

chăm sóc con chung là cháu Phạm Văn L, sinh ngày 18/12/2014 (hiện nay đang ở với anh C) cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C.

Sau khi ly hôn chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh C cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp chị D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị D.

2.2 Về tài sản chung, C nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị D nhận nộp cả theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0000712 ngày 23/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Hoàn lại cho chị D 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã V;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

(đã ký)

HÀ MINH LỰC